

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

I.1. Mô tả khái quát về dự án:

- Tên gói thầu: Gói thầu số 7: Tư vấn giám sát gói thầu số 6.
- Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông làng nghề xã Phú Nghĩa
- Địa điểm xây dựng: Xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội
- Tên chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư - Hạ tầng xã Phú Nghĩa.
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách thành phố.
- Tổng mức đầu tư: 43.776.866.000 (VNĐ) (Bằng chữ: Bốn mươi ba tỷ bảy trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng)
- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.
- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2024 – 2026.

I.2. Quy mô của dự án:

Dự án đầu tư xây dựng 09 tuyến đường có tổng chiều dài 3.719,44m:

• Thôn Khê Than

- Tuyến đường 01: chiều dài 428,98m. Điểm đầu: Giao đường nhựa (nhà ông Vũ Gia Huy); điểm cuối: Giao quốc lộ 6.
- Tuyến đường 02: Chiều dài 150,49m. Điểm đầu: Giao đường bê tông tuyến 1 (nhà ông Nguyễn Trọng Khương); điểm cuối: Giao đường bê tông (nhà ông Nguyễn Bá Trụ)

• Thôn Quan Châm

- Tuyến đường 03: Chiều dài 670,00m. Điểm đầu: Giao đường nhựa (cổng UBND xã); Điểm cuối: Giao đường bê tông (Nguyễn Hữu Hồng).
- Tuyến đường 04: Chiều dài 74,92m. Điểm đầu: Giao đường nhựa (nhà ông Đỗ Hữu Quy); điểm cuối: Giao đường bê tông (nhà ông Đỗ Hữu Tường).

• Thôn Phú Hữu 2

- Tuyến đường 5: Chiều dài 500,40m. Điểm đầu: Giao đường nhựa (Đình làng Phú Hữu 2); điểm cuối: Giao đường bê tông ngã ba Mô Cao.

• Thôn Phú Vinh

- Tuyến đường 6: Chiều dài 417,19m. Điểm đầu: Giao ngã ba đường nhựa (nhà bà Nguyễn Thị Khuê); điểm cuối: Giao đường nhựa nhà văn hóa xóm Thượng.
- Tuyến đường 7: Chiều dài 776,26m. Điểm đầu: Giao ngã ba đường nhựa (nhà ông Nguyễn Đình Hiệp); điểm cuối: Giao đường bê tông nhà văn hóa Đầm Bung.

- Tuyến đường 8: Chiều dài 302,12m. Điểm đầu: Giao ngã ba đường bê tông (nhà ông Ngô Sơn Tiếp); điểm cuối: Giao đường bê tông (nhà ông Nguyễn Văn Bạo).

- Tuyến đường 9: Chiều dài 399,08m. Điểm đầu: Giao ngã ba đường nhựa (nhà ông Nguyễn Đình Hiệp); điểm cuối: Giao đường bê tông (nhà ông Trần Văn Thi).

- Kết cấu áo đường mềm, mặt đường bê tông nhựa.

- Kích thước mặt cắt ngang: Tất cả các tuyến mặt đường được thiết kế theo mặt đường hiện trạng

- Tải trọng thiết kế:

+ Tải trọng thiết kế công trình: HL93.

+ Tải trọng thiết kế áo đường: Trục xe 10T; Kết cấu áo đường mềm $E_{yc}=120\text{Mpa}$

- Nội dung đầu tư: Xây dựng nền mặt đường, thoát nước dọc tuyến, kè nền đường, hè đường, bó vỉa đan rãnh, cống thoát nước ngang và hệ thống an toàn giao thông.

1. Giải pháp thiết kế

2. Mặt cắt ngang đường:

- Chiều rộng mặt đường, nền đường theo hiện trạng: trung bình $B_{nền} = B_{mặt} =$ từ 2,5 -:- 7,0m. Hè đường thiết kế theo hiện trạng.

- Độ dốc mặt đường $i_{mặt}=2,0\%$, độ dốc hè đường $i_{hè}=1,5\%$, độ dốc lề đất $i_{lề}=4,0\%$.

3. Kết cấu áo đường:

- Thiết kế loại áo đường mềm cấp cao A2. Mô đun đàn hồi yêu cầu lấy $E_{yc}\geq 120\text{Mpa}$. Thời hạn thiết kế ≥ 8 năm.

- Tải trọng trục tính toán tiêu chuẩn: Trục đơn của ô tô có trọng lượng 100 kN.

- Kết cấu áo đường 01: Mặt đường bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12,5) rải nóng dày 7cm; Tưới thấm bảm bằng nhựa lỏng đông đặc vừa MC70, tiêu chuẩn 1kg/m²; Lớp móng trên cấp phối đá dăm loại I (kích cỡ 0/25mm) dày 15cm; Lớp móng dưới cấp phối đá dăm loại II (kích cỡ 0/37.5mm) dày 25cm;

- Kết cấu áo đường 02: Mặt đường bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12,5) rải nóng dày 7cm; Tưới thấm bảm bằng nhựa lỏng đông đặc vừa MC70, tiêu chuẩn 1kg/m²; Lớp móng trên cấp phối đá dăm loại I (kích cỡ 0/25mm) dày 15cm; Bù vênh cấp phối đá dăm loại I (kích cỡ 0/25mm);

- Kết cấu áo đường vị trí vượt nôi: sử dụng kết cấu 01, 02 như kết cấu áo đường tuyến chính.

- Đổ BTXM lên đường M200 dày 10cm: Áp dụng cho một số đoạn còn đất công và nhỏ hẹp: Phạm vi từ mép mặt đường (hoặc sau bó vỉa) đến sát tường nhà dân.

4. Thiết kế nền đường: Thiết kế nền, áo đường đảm bảo ổn định dưới tác động của tải trọng xe chạy tính toán. Vật liệu đắp nền đường trong phạm vi khu vực tác dụng nền đường phải đạt yêu cầu sau:

+ 30 cm trên cùng đắp bằng vật liệu phải đảm bảo sức chịu tải $CBR \geq 6$.

+ 50 cm tiếp theo phía dưới phải đảm bảo sức chịu tải $CBR \geq 4$.

Trước khi đắp nền phải tiến hành đào cấp, rẫy cỏ, đào bỏ lớp đất lầy hữu cơ không thích hợp. Đào cấp nền đường đối với những vị trí nền đắp có độ dốc ngang $i \geq 20\%$.

Đắp nền đường, đắp trả đất đào cống, đắp đất phía trong nền đường hoàn trả đào kè, rãnh bằng đất đồi đạt độ đầm chặt $K=0,95$

5. Thiết kế hè đường: các vị trí tuyến đi qua khu dân cư thiết kế lát vỉa hè, hè đường được lát bằng gạch gạch giả đá kích thước 40x40x4,5cm, bên dưới đệm Móng BTXM M150 dày 8cm.

6. Thiết kế thoát nước dọc: Tại các vị trí qua khu dân cư thiết kế rãnh thoát nước để đảm bảo thoát nước mặt đường và nước thải nhà dân thiết kế rãnh xây đập bản B40, B50, B60 chạy ngầm và rãnh B120 chạy nổi. Móng rãnh bằng bê tông xi măng mác 150# dày 15cm; Đệm móng đá dăm có đường kính $D_{max} < 6$ cm dày 10cm; Tường rãnh xây gạch không nung bằng vữa xi măng mác 75#; Trát tường rãnh bằng vữa xi măng mác 75 dày 1,5cm; Mũ mố rãnh bằng bê tông cốt thép mác 200# đá 1x2; Bản rãnh và bằng bê tông cốt thép mác 250# đá 1x2. Bố trí ga thu thăm, đập nắp hố ga kích thước 750x920mm kết hợp nắp ngăn mùi ; lưới chắn rác 43x86cm và nắp ga thăm bố trí nắp ga gang D650 tải trọng 250KN.

7. Thiết kế thoát nước ngang:

Tại một số vị trí thiết kế mới hoặc thay thế bằng rãnh thoát nước và công hộp $B \times H = 1,5 \times 1,5$ m ngang đường.

Kết cấu công hộp: Ống cống BTCT đúc sẵn M300 chịu tải trọng HL93 sản xuất tại nhà máy theo phương pháp rung ép hoặc ly tâm, chiều dài cống từ 1,0m đến 1,5 m. Cống được đặt trên lớp móng bê tông xi măng M150 dày 15cm và trên lớp đá dăm đệm dày 10cm.

8. Thiết kế kè đá hộc, nâng tường kè cũ và kè xây gạch:

Đối với các đoạn đắp nền qua khu vực ngập nước thường xuyên như ao, hồ, mương thiết kế kè chắn đất bảo vệ nền đường.

a. Xây kè đá hộc: bằng đá hộc có cường độ $R=400$ kg/cm²; xây VXM M100 trên lớp đá dăm đệm dày 10cm. Dọc theo chiều dài bố trí 10m một khe phòng lún rộng 2cm ở giữa được chèn bao tải tấm nhựa đường; 2m bố trí 1 ống thoát nước PVC kết hợp tầng lọc ngược.

b. Nâng đỉnh kè: Nâng đỉnh kè hiện trạng bằng bê tông M200 khớp với cao độ vỉa hè thiết kế

c. Kè xây gạch: bằng gạch không nung xây VXM M75, đỉnh kè trát bằng VXM M75 dày 1,5cm, móng kè bằng BTXM M100 dày 10cm.

9. Hệ thống an toàn giao thông:

Thiết kế đầy đủ các công trình an toàn giao thông theo đúng các quy định trong QCVN41:2024/BGTVT, ứng với cấp tốc độ thiết kế.

II. Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu.

Lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực kinh nghiệm thực hiện Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình theo đúng các quy định quy chuẩn hiện hành của nhà nước.

III. Phạm vi công việc:

1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc của nhà thầu:

1.1. Giám sát chất lượng thi công xây dựng:

Nội dung giám sát chất lượng thi công xây dựng theo quy định tại Điều 19 Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính Phủ.

a) Thông báo về nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân trong hệ thống quản lý chất lượng của chủ đầu tư, nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình, cho các nhà thầu có liên quan biết để phối hợp thực hiện;

b) Kiểm tra các điều kiện khởi công công trình xây dựng theo quy định tại Điều 107 của Luật Xây dựng;

c) Kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu thi công xây dựng công trình so với hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng, bao gồm: Nhân lực, thiết bị thi công, phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng công trình;

d) Kiểm tra biện pháp thi công xây dựng của nhà thầu so với thiết kế biện pháp thi công đã được phê duyệt;

đ) Xem xét và chấp thuận các nội dung do nhà thầu trình quy định tại Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và yêu cầu nhà thầu thi công chỉnh sửa các nội dung này trong quá trình thi công xây dựng công trình cho phù hợp với thực tế và quy định của hợp đồng. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư thỏa thuận trong hợp đồng xây dựng với các nhà thầu về việc giao nhà thầu giám sát thi công xây dựng lập và yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng thực hiện đối với các nội dung nêu trên;

e) Kiểm tra và chấp thuận vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình;

g) Kiểm tra, đôn đốc nhà thầu thi công xây dựng công trình và các nhà thầu khác triển khai công việc tại hiện trường theo yêu cầu về tiến độ thi công của công trình;

h) Giám sát việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường đối với các công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; giám sát các biện pháp đảm bảo an toàn đối với công trình lân cận, công tác quan trắc công trình;

i) Giám sát việc đảm bảo an toàn lao động theo quy định của quy chuẩn, quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật về an toàn lao động;

k) Đề nghị chủ đầu tư tổ chức điều chỉnh thiết kế khi phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế;

l) Tạm dừng thi công đối với nhà thầu thi công xây dựng khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không đảm bảo an toàn; chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình và phối hợp xử lý, khắc phục sự cố theo quy định của Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021;

m) Kiểm tra tài liệu phục vụ nghiệm thu; kiểm tra và xác nhận bản vẽ hoàn công;

n) Tổ chức thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định của Nghị định 06/2021/NĐ-CP;

o) Thực hiện nghiệm thu công việc xây dựng để chuyên bước thi công, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định; kiểm tra và xác nhận khối lượng thi công xây dựng hoàn thành;

p) Tổ chức lập hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng;

q) Thực hiện các nội dung khác theo quy định của hợp đồng xây dựng.

2. Mô tả các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện hợp đồng tư vấn

2.1. Giám sát khối lượng thi công xây dựng công trình:

a) Kiểm tra xác nhận, nghiệm thu về: khối lượng đạt chất lượng, đơn giá đúng quy định do nhà thầu thi công lập và trình, giá trị vật tư trên công trường hoặc giá

trị bán thành phẩm (nếu có); đối chiếu với hồ sơ hợp đồng, bản vẽ thi công được duyệt và thực tế thi công để đưa vào chứng chỉ thanh toán hàng tháng hoặc từng kỳ, theo yêu cầu của hồ sơ hợp đồng.

b) Căn cứ tình hình thực tế thi công và hồ sơ thiết kế được duyệt, điều kiện hợp đồng, xem xét đề xuất của nhà thầu xây lắp, đề xuất giải pháp và báo cáo kịp thời chủ đầu tư về: khối lượng phát sinh có trong hợp đồng gốc, khối lượng phát sinh mới ngoài hợp đồng gốc, do các thay đổi về phạm vi công việc và thiết kế được duyệt. Sau khi có sự thống nhất của chủ đầu tư bằng văn bản, rà soát, kiểm tra hồ sơ thiết kế, tính toán khối lượng, đơn giá do điều chỉnh hoặc bổ sung do nhà thầu thực hiện, lập báo cáo và đề xuất với chủ đầu tư xem xét chấp thuận.

c) Theo dõi, kiểm tra các nội dung điều chỉnh giá, trượt giá, biến động giá; thực hiện yêu cầu của chủ đầu tư trong việc lập, thẩm tra dự toán bổ sung và điều chỉnh dự toán; hướng dẫn và kiểm tra nhà thầu lập hồ sơ trượt giá, điều chỉnh biến động giá theo quy định của hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật hiện hành.

d) Cùng tham gia với chủ đầu tư thương thảo phụ lục điều chỉnh, bổ sung hợp đồng. Đề xuất với chủ đầu tư phương án giải quyết tranh chấp hợp đồng (nếu có).

2.2. Nghiệm thu công việc xây dựng:

Theo Điều 23 Nghị định 06/2021/NĐ-CP

(1). Căn cứ vào kế hoạch thí nghiệm, kiểm tra đối với các công việc xây dựng và tiến độ thi công thực tế trên công trường, người giám sát thi công xây dựng công trình và người phụ trách kỹ thuật thi công trực tiếp của nhà thầu thi công xây dựng công trình thực hiện nghiệm thu công việc xây dựng để chuyển bước thi công. Kết quả nghiệm thu được xác nhận bằng biên bản cho một hoặc nhiều công việc xây dựng của một hạng mục công trình theo trình tự thi công.

(2). Người giám sát thi công xây dựng công trình phải căn cứ hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, chỉ dẫn kỹ thuật được phê duyệt, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng, các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình thi công xây dựng có liên quan đến đối tượng nghiệm thu để kiểm tra các công việc xây dựng được yêu cầu nghiệm thu.

(3). Người giám sát thi công xây dựng phải thực hiện nghiệm thu công việc xây dựng và xác nhận bằng biên bản, tối đa không quá 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo nghiệm thu công việc xây dựng để chuyển bước thi công của nhà thầu thi công xây dựng. Trường hợp không đồng ý nghiệm thu phải thông báo lý do bằng văn bản cho nhà thầu thi công xây dựng.

2.3. Công tác kiểm tra bản vẽ hoàn công và thanh toán giai đoạn, quyết toán công trình

- Kiểm tra Bản vẽ hoàn công do nhà thầu thi công lập đảm bảo cụ thể, đầy đủ và chính xác theo thực tế công trình được thi công để nâng cao hiệu quả, tính xác thực trong công tác thanh toán giai đoạn; thẩm định, phê duyệt quyết toán vốn dự án đầu tư xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng.

- Kiểm tra, rà soát công tác thanh toán giai đoạn, quyết toán công trình theo quy định.

2.4. Giám sát việc đảm bảo an toàn lao động và bảo vệ môi trường:

Giám sát việc tuân thủ các quy định về quản lý an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng theo quy định của pháp luật về an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

2.5 Giám sát thực hiện tiến độ thi công xây dựng:

a) Căn cứ theo bảng tiến độ thi công tổng thể, rà soát tiến độ chi tiết do Nhà thầu lập trình Chủ đầu tư phê duyệt. Kiểm tra thường xuyên việc thực hiện của nhà thầu trong quá trình thi công đối với từng hạng mục công việc, hạng mục công trình và công trình đảm bảo phù hợp với tiến độ đã quy định. Trường hợp tiến độ thi công thực tế của một hoặc một số hạng mục công việc, công trình bị chậm so với tiến độ chi tiết, cần yêu cầu nhà thầu điều chỉnh tiến độ thi công cho phù hợp với thực tế thi công và các điều kiện khác tại công trường, nhưng không làm ảnh hưởng đến tiến độ tổng thể của gói thầu, dự án, báo cáo chủ đầu tư xem xét chấp thuận; đồng thời kiểm tra đôn đốc đảm bảo tiến độ yêu cầu khi điều chỉnh.

b) Phối hợp với nhà thầu thi công để đề xuất hoặc kiểm soát đề xuất của nhà thầu thi công về các giải pháp rút ngắn tiến độ thi công trên nguyên tắc không được làm ảnh hưởng đến chất lượng và đảm bảo giá thành hợp lý.

c) Trường hợp tổng tiến độ của thi công gói thầu, dự án bị kéo dài so với quy định của hợp đồng, thì tư vấn giám sát phải đánh giá, xác định các nguyên nhân, trong đó cần phân định rõ các yếu tố thuộc trách nhiệm của nhà thầu thi công và các yếu tố khách quan khác, báo cáo chủ đầu tư bằng văn bản để chủ đầu tư xem xét xử lý trách nhiệm theo quy định của hợp đồng và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc điều chỉnh tiến độ của hợp đồng hoặc dự án theo quy định.

d) Thường xuyên kiểm tra năng lực của nhà thầu về nhân lực, thiết bị thi công so với hợp đồng xây dựng hoặc theo hồ sơ trúng thầu và thực tế thi công tối thiểu 01 lần một tháng; yêu cầu nhà thầu bổ sung hoặc báo cáo, đề xuất với chủ đầu

tư các yêu cầu bổ sung, thay thế nhà thầu, nhà thầu phụ để đảm bảo tiến độ khi thấy cần thiết.

e) Xác nhận việc kéo dài hoặc rút ngắn tiến độ của nhà thầu thi công làm cơ sở để chủ đầu tư, cơ quan có thẩm quyền xem xét việc thưởng, phạt hoặc các hình thức xử lý theo quy định của hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật.

a) Kiểm tra, xác nhận tiến độ thi công tổng thể và chi tiết các hạng mục công trình do nhà thầu lập đảm bảo phù hợp tiến độ thi công đã được duyệt;

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

1. Tư vấn sẽ lập và nộp báo cáo thường kỳ hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, năm cho chủ đầu tư cùng với các báo cáo khởi đầu, giữa kỳ và cuối kỳ, chứa đựng các thông tin mà chủ đầu tư cần trình cho các cơ quan hữu quan. Báo cáo phải cô đọng, súc tích, trình bày rõ ràng tiến độ xây dựng và tài chính (tình hình giải ngân) dưới dạng bảng và biểu đồ thanh toán, cùng với các đánh giá về chất lượng công trình. Các vấn đề nảy sinh và những khó khăn cần được phân tích nguyên nhân và nêu những đề xuất giải quyết.

2. Theo yêu cầu của chủ đầu tư, tư vấn sẽ lập các báo cáo đột xuất về từng hạng mục hoặc toàn bộ dự án tại một thời điểm nào đó.

3. Các sản phẩm bằng văn bản và báo cáo của tư vấn được nêu trong Bảng dưới đây.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Yêu cầu về nhân sự cần thiết cho gói thầu và cho từng vị trí theo bảng tiêu chuẩn nhân sự chủ chốt quy định trong HSMT.

V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

Chủ đầu tư cung cấp đầy đủ những tài liệu có liên quan đến gói thầu và bố trí cán bộ có đủ năng lực để phối hợp với nhà thầu tư vấn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu thực hiện tốt nhất nhiệm vụ của mình.